TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
TRADING SUMMARY

Ngày:
Date: **26/11/2026**

1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,629.68	-57.77	-3.42	16,043.67
VN30	1,728.88	-49.70	-2.79	7,484.39
VNMIDCAP	1,730.03	-58.83	-3.29	7,219.45
VNSMALLCAP	1,135.34	-25.50	-2.20	968.95
VN100	1,654.61	-52.84	-3.09	14,703.84
VNALLSHARE	1,632.33	-51.74	-3.07	15,672.79
VNXALLSHARE	2,573.65	-80.57	-3.04	16,458.85
VNCOND	1,745.27	-72.09	-3.97	720.06
VNCONS	613.51	-2.55	-0.41	1,077.90
VNENE	648.08	-16.42	-2.47	543.71
VNFIN	1,934.68	-50.67	-2.55	6,773.90
VNHEAL	1,359.82	-22.53	-1.63	0.67
VNIND	770.43	-33.27	-4.14	2,246.15
VNIT	2,346.10	-86.36	-3.55	735.01
VNMAT	1,763.48	-41.27	-2.29	1,155.53
VNREAL	3,046.89	-172.79	-5.37	2,162.82
VNUTI	918.40	-11.24	-1.21	251.69
VNDIAMOND	1,928.67	-80.07	-3.99	3,716.51
VNFINLEAD	2,544.47	-61.90	-2.37	5,591.03
VNFINSELECT	2,604.46	-68.19	-2.55	6,773.83
VNMITECH	701.58	-28.05	-3.84	3,717.58
VN50 GROWTH	912.78	-30.23	-3.21	11,973.71
VNDIVIDEND	756.11	-24.29	-3.11	2,848.70
VNSHINE	705.45	-22.82	-3.13	3,745.96
VNPRIVGRO	928.94	-31.46	-3.28	8,685.54
VNSI	2,778.54	-69.47	-2.44	3,649.69
VNX50	2,885.97	-94.27	-3.16	11,420.15

2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	807,347,305	14,005
Thỏa thuận	127,889,237	2,858
Tổng	935,236,542	16,863

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	VIX	56,630,803	SRC	6.98%	SVD	-6.97%
2	SHB	38,622,335	TNC	6.90%	VBB	-6.96%
3	SSI	32,484,168	TDW	6.89%	GMD	-6.95%
4	VPX	31,623,256	VRC	6.87%	HSL	-6.95%
5	HPG	27,206,153	HU1	6.84%	SZC	-6.95%

Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling

KLGD (ck) **Trading vol. (shares)**	78,760,202	8.42%	78,200,709	8.36%	559,493
GTGD (tỷ đồng) **Trading val. (bil. Dongs)**	2,012	11.93%	2,192	13.00%	-179

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN Top trading val.		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng Top 5 stocks by Foreign net buying volume	
1	TCB	6,275,174	FPT	261,919,992	DXG	3,116,700
2	VIX	6,189,900	VIC	249,336,135	NKG	2,032,200
3	FPT	5,765,835	MSN	238,637,868	KDH	1,942,640
4	SSI	5,709,276	TCB	126,436,414	POW	1,776,522
5	HPG	4,859,771	GMD	126,292,541	VCI	1,773,402

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	BVH	BVH giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 8,09%, ngày thanh toán: 28/12/2026.
2	GDA	GDA giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:10 (số lượng dự kiến: 14.909.885 cp).
3	MSH	MSH giao dịch không hưởng quyền - tạm ứng cổ tức năm 2026 bằng tiền mặt với tỷ lệ 40%, ngày thanh toán: 19/01/2027.
4	CACB2635	CACB2635 (chứng quyền ACB-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 20,000 đồng/cq.
5	CACB2636	CACB2636 (chứng quyền ACB-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 21,000 đồng/cq.
6	CFPT2650	CFPT2650 (chứng quyền FPT-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 6:1, với giá: 50,500 đồng/cq.
7	CFPT2651	CFPT2651 (chứng quyền FPT-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 8:1, với giá: 52,500 đồng/cq.
8	CHPG2659	CHPG2659 (chứng quyền HPG-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 15,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 21,000 đồng/cq.
9	CHPG2660	CHPG2660 (chứng quyền HPG-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 20,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 22,000 đồng/cq.
10	CMBB2629	CMBB2629 (chứng quyền MBB-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: MBB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 18,500 đồng/cq.
11	CMBB2630	CMBB2630 (chứng quyền MBB-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: MBB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 15,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 19,500 đồng/cq.
12	CMWG2635	CMWG2635 (chứng quyền MWG-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 8:1, với giá: 71,000 đồng/cq.
13	CMWG2636	CMWG2636 (chứng quyền MWG-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 12,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 8:1, với giá: 74,000 đồng/cq.
14	CSTB2642	CSTB2642 (chứng quyền STB-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: STB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 8:1, với giá: 66,000 đồng/cq.
15	CSTB2643	CSTB2643 (chứng quyền STB-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: STB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 8:1, với giá: 69,000 đồng/cq.
16	CTCB2629	CTCB2629 (chứng quyền TCB-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 21,000 đồng/cq.

17	CTCB2630	CTCB2630 (chứng quyền TCB-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 22,000 đồng/cq.
18	CVHM2629	CVHM2629 (chứng quyền VHM-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: VHM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 12,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 8:1, với giá: 62,000 đồng/cq.
19	CVNM2638	CVNM2638 (chứng quyền VNM-HSC-10M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 5,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 5.7409:1, với giá: 55,017 đồng/cq.
20	CVPB2646	CVPB2646 (chứng quyền VPB-HSC-8M-2101 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 6,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 21,500 đồng/cq.
21	CVPB2647	CVPB2647 (chứng quyền VPB-HSC-10M-2102 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 26/11/2026 với số lượng 7,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 22,500 đồng/cq.